

**UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
PHÒNG NỘI VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27 /NV

Bình Chánh, ngày 01 tháng 01 năm 2016

Về việc rà soát, lập danh sách
xét chuyển chức danh nghề
nghiệp và tổ chức thi, xét thăng
hạng chức danh nghề nghiệp đối
với viên chức

Kính gửi: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Huyện;
- Các trường Mẫu giáo, Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập và các đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Văn bản số 4592/SNV-CCVC ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Sở Nội vụ về hướng dẫn lập danh sách để xét chuyển chức danh nghề nghiệp và tổ chức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phan Thị Cẩm Nhung, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện tại Phiếu chuyển số 14598/PC-VPUB ngày 18 tháng 12 năm 2015;

Phòng Nội vụ hướng dẫn các đơn vị rà soát và lập danh sách viên chức đề nghị xét chuyển chức danh nghề nghiệp và thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

1. Đối với viên chức đang giữ mã ngạch cũ, nay đã được thay thế bằng mã số chức danh nghề nghiệp mới. Nếu viên chức đạt tiêu chuẩn để chuyển mã số theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp mới thì lập danh sách theo mẫu số 1.

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A, hiện là giáo viên mầm non (Mã số: 15.115) đang công tác tại trường mầm non công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đã đủ điều kiện, tiêu chuẩn để xét chuyển sang chức danh giáo viên mầm non hạng IV (Mã số: V.07.02.06) theo Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015.

2. Trường hợp viên chức đang giữ mã ngạch cũ, nay đã được thay thế bằng mã số chức danh nghề nghiệp mới. Nếu viên chức đủ tiêu chuẩn để xem xét tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III thì lập danh sách theo mẫu số 2.

Ví dụ: Bà Lê Thị B, hiện là giáo viên mầm non (Mã số: 15.115) đang công tác tại trường mầm non công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đã đủ điều kiện, tiêu chuẩn để xem xét tổ chức thi hăng xét thăng hạng chức danh giáo viên

mầm non hạng III (Mã số: V.07.02.05) theo Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDDT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015.

3. Trường hợp viên chức đang giữ mã ngạch của công chức, hiện đã đạt tiêu chuẩn để chuyển mã số theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng IV mới phù hợp với công việc đang làm, đồng thời (nếu có) đạt tiêu chuẩn để xem xét tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp mới thì lập danh sách theo mẫu số 3.

4. Thời gian: Lập danh sách gửi về Phòng Nội vụ trước ngày **20 tháng 01 năm 2016**.

5. Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai và tổng hợp danh sách viên chức từ các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập và đơn vị trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo, gửi danh sách về Phòng Nội vụ trước **20 tháng 01 năm 2016**.

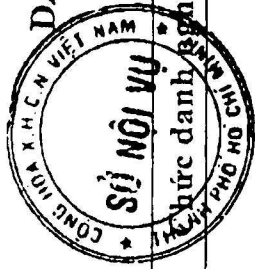
Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện tốt các nội dung nêu trên./.

(Đính kèm bảng danh mục quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và các mẫu số 1, 2, 3).

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu: VT; PNV (L).


TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG NỘI VỤ
Dương Thị Uyên Chi



DANH MỤC QUY ĐỊNH MÃ SỐ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

(Kèm theo Công văn số 4591/SNV-CCVC ngày 08 tháng 11 năm 2015 của Sở Nội vụ)

STT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	Tên, ký hiệu văn bản
1	Chuyên ngành thư viện	Thông tư liên tịch 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/05/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa thể thao và du lịch - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 15/07/2015)
2	Chuyên ngành công tác xã hội	Thông tư liên tịch 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19/08/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 04/10/2015)
3	Chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Thông tư liên tịch 35/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV (16/09/2015) về Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 31/10/2015)
4	Chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản	Thông tư liên tịch 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNN ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 05/12/2015)
5	Chuyên ngành chăn nuôi và thú y	Thông tư liên tịch 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 05/12/2015)
6	Chuyên ngành chăn nuôi và thú y	Thông tư liên tịch 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 05/12/2015)
7	Viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục Đại học công lập	Thông tư liên tịch 36/2014/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục đại học công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 01/02/2015)
8	Giáo viên tiêu học công lập	Thông tư liên tịch 21/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 16/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 03/11/2015)
9	Giáo viên mầm non	Thông tư liên tịch 20/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 14/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 01/11/2015)

10	Giáo viên trung học phổ thông công lập	Thông tư liên tịch 23/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 16/09/2015 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 03/11/2015).
11	Giáo viên trung học cơ sở công lập	Thông tư liên tịch 22/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 16/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 03/11/2015)
12	Một số ngạch viên chức ngành giáo dục và đào tạo, văn hoá – thông tin	Quyết định 61/2005/QĐ-BNV ngày 15/06/2005 ban hành tạm thời chức danh và mã số ngạch một số ngạch viên chức ngành giáo dục và đào tạo, văn hoá – thông tin của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (hiệu lực 20/07/2005)
13	Y tế công cộng	Thông tư liên tịch 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 16/07/2015)
14	Bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ	Thông tư liên tịch 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 16/07/2015)
15	Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 20/11/2015)
16	Dinh dưỡng	Thông tư liên tịch 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 20/11/2015)
17	Chuyên ngành lưu trữ	Thông tư 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 15/12/2014)
18	Chuyên ngành khoa học và công nghệ	Thông tư liên tịch 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 01/12/2014)
19	Chuyên ngành Thể dục Thể thao	Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 15/12/2014)

SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BIỂU SỐ 3

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

(Kèm theo Công văn số /SNV-CCVC ngày tháng năm 2015 của Sở Nội vụ)

[illegible]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐỀ XEM XÉT TỎ CHỨC THI HOẶC XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP (CDNN) TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III
(Kèm theo Công văn số /SNV-CCVC ngày tháng năm 2015 của Sở Nội vụ)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nữ (Gán dấu X)	CDNN (ngạch viên chức) hiện tại (hạng IV)			Dự kiến CDNN thăng hạng (hạng III)		Hộ khẩu (Thành phố, KT3, Tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo CDNN mới (hạng III)					Ghi chú
				Tên	Mã số (ngạch)	Ngày bổ nhiệm CDNN (ngạch)	Tên CDNN	Mã số		Trình độ	Chuyên ngành	Ngày cấp bằng	Ngoại ngữ	Tin học	

Người lập biểu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ